

Số: 10 /2020/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2020

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-NHNN ngày 18/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 09 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-NHNN ngày 18/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư 28/2015/TT-NHNN).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 28/2015/TT-NHNN

1. Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Thông tư này quy định việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước).”

2. Khoản 1 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; các tổ chức tín dụng; chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Kho bạc Nhà nước; Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.”

3. Bổ sung khoản 11, 12, 13, 14, 15 vào Điều 3 như sau:

“11. “Mã kích hoạt” là thông tin bao gồm số tham chiếu và mã xác thực được dùng để chứng thực trong quá trình kích hoạt chứng thư số.

12. “Kích hoạt chứng thư số” là quá trình khởi tạo cặp khóa chứng thư số bao gồm khóa bí mật, khóa công khai và lưu trữ vào thiết bị lưu khóa bí mật.

13. “Người có thẩm quyền” là Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước, Lãnh đạo các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước hoặc là người đại diện hợp pháp theo quy định của pháp luật của các cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 2 Thông tư này.

14. “Hệ thống dịch vụ công” là cổng thông tin điện tử cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Ngân hàng Nhà nước.

15. “Nghịệp vụ chứng thư số” là nghịệp vụ trên các hệ thống thông tin mà thuê bao có thể sử dụng chứng thư số để ký duyệt hoặc xác thực. Một chứng thư số có thể sử dụng để ký duyệt, xác thực tại một hoặc nhiều nghịệp vụ trên một hoặc nhiều hệ thống thông tin. Các hệ thống thông tin sử dụng chứng thư số của Ngân hàng Nhà nước bao gồm:

- a) Hệ thống dịch vụ công;
- b) Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng;
- c) Hệ thống báo cáo Ngân hàng Nhà nước;
- d) Hệ thống đấu thầu và nghịệp vụ thị trường mở bao gồm các phân hệ nghịệp vụ:

- Đấu thầu và thị trường mở;
- Phát hành, thanh toán, gia hạn và hủy trái phiếu đặc biệt;
- Tái cấp vốn.

đ) Hệ thống báo cáo của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;

e) Hệ thống khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.”

4. Bổ sung Điều 4a như sau:

“Điều 4a. Cách thức gửi, nhận hồ sơ, văn bản, báo cáo liên quan đến dịch vụ chứng thực chữ ký số và kết quả xử lý

1. Tổ chức quản lý thuê bao gửi hồ sơ, văn bản, báo cáo liên quan đến chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số đến Ngân hàng Nhà nước (Cục Công nghệ thông tin) thông qua một trong các phương thức sau:

- a) Phương thức điện tử qua Hệ thống dịch vụ công;